

**XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ
TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH; PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ KHÁT VỌNG VƯỜN LÊN; BẢO ĐẢM
QUỐC PHÒNG, AN NINH, ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI;
PHẤN ĐÁU ĐẾN NĂM 2030, QUẢNG NGÃI CÓ THU NHẬP
BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CAO HƠN MỨC BÌNH QUÂN CẢ NƯỚC**

Phần thứ nhất

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XIX**

Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX trong bối cảnh hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế chủ đạo của quan hệ quốc tế; toàn cầu hóa, cách mạng khoa học, công nghệ diễn ra hết sức mạnh mẽ; thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn sau hơn 35 năm đổi mới; nhiều thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và kinh nghiệm quý báu sau 30 năm tái lập tỉnh được phát huy và vận dụng. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển và hội nhập, tỉnh ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; biến đổi khí hậu gia tăng; tình hình Biển Đông diễn biến phức tạp; tác động của thiên tai, dịch bệnh, nhất là dịch COVID-19 trong năm 2020. Trong bối cảnh đó, Đảng bộ và Nhân dân tỉnh nhà đã đoàn kết, nỗ lực thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (sau đây viết tắt là Nghị quyết XIX) đạt nhiều kết quả quan trọng.

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực; quy mô tổng sản phẩm tăng lên đáng kể

Chất lượng tăng trưởng kinh tế được cải thiện. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng bình quân 5,62%/năm; nếu không tính sản phẩm lọc, hóa dầu thì tăng bình quân 9,79%/năm. Năm 2020, GRDP của tỉnh ước đạt 57.717 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010)¹, tăng 13.814 tỷ đồng so với năm 2015; tỷ trọng công nghiệp – xây dựng chiếm 54,78%, dịch vụ chiếm 28,58%, nông nghiệp chiếm 16,64%. GRDP bình quân đầu người tiếp tục tăng qua các năm; đến năm 2020, ước đạt 3.097 USD, gấp 1,34 lần so với năm 2015. Thu ngân sách nhà nước vượt chỉ tiêu được giao. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước chuyển dịch theo hướng tăng chi đầu tư, giảm dần chi thường xuyên.

¹ GRDP của tỉnh năm 2020 (theo giá hiện hành) ước đạt 91.590 tỷ đồng.

1.1. Thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển công nghiệp đạt một số kết quả quan trọng

Công nghiệp đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế. Năm 2020, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 113.540 tỷ đồng, tăng bình quân 4,58%/năm; nếu không tính giá trị sản phẩm từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất thì tăng 25,73%/năm. Giá trị tăng thêm công nghiệp ước đạt 28.094 tỷ đồng, tăng bình quân 5,03%/năm; nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì tăng bình quân 21,44%/năm. Tỷ lệ lao động công nghiệp - xây dựng trong tổng lao động của tỉnh chiếm 32%.

Giá trị sản xuất các nhóm ngành công nghiệp đều có mức tăng trưởng khá². Cơ cấu công nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm dần sự phụ thuộc vào công nghiệp lọc, hóa dầu³. Công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ lực trong tăng trưởng công nghiệp⁴; trong đó, công nghiệp luyện kim, sản xuất kim loại đã hình thành và phát triển rõ nét với quy mô lớn gắn với cảng nước sâu Dung Quất. Công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện điện tử,... phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu có mức tăng trưởng cao. Công nghiệp chế biến lâm, thủy sản, thực phẩm, nước uống phát triển mạnh. Công nghiệp hỗ trợ cho ngành dệt may có bước phát triển gắn với Khu công nghiệp VSIP. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn phát triển khá.

Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển, thu hút được nhiều dự án, tạo thêm nhiều việc làm cho lao động. Chủ trương quy hoạch Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất đã được Thủ tướng Chính phủ thống nhất. Đã thu hút dự án thép Hòa Phát Dung Quất đầu tư thay thế dự án thép Quảng Liên Dung Quất đình trệ, kéo dài nhiều năm.

1.2. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực; giảm nghèo có nhiều chuyển biến, nhất là ở các huyện miền núi

Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng trưởng ổn định, bình quân tăng 4,5%/năm, cao hơn so với cả nước. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động khoảng 45,58%. Đã tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp, ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư và ưu tiên nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới⁵. Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp được đầu tư, nâng cấp. Thực hiện dồn điền, đổi thửa, tích tụ, tập trung ruộng đất, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi đạt nhiều kết quả⁶. Sản lượng, năng suất cây trồng, vật nuôi và giá trị sản xuất bình quân 01 ha đất nông nghiệp tiếp tục được nâng lên⁷. Nông

² GTSX công nghiệp khai khoáng tăng bình quân 7,8%/năm; GTSX công nghiệp sản xuất điện và phân phối điện, khí đốt tăng bình quân 16,9%/năm; GTSX công nghiệp cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tăng bình quân 9,4%/năm; GTSX chế biến, chế tạo tăng bình quân 4,5%/năm.

³ Tỷ trọng GTSX sản phẩm lọc, hóa dầu trong tổng GTSX ngành công nghiệp giảm từ 83% năm 2015 còn 57% năm 2020.

⁴ Chiếm hơn 98% trong giá trị sản xuất công nghiệp.

⁵ Kinh phí đầu tư từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cho khu vực nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2015 – 2020 khoảng 6.306 tỷ đồng.

⁶ Trong 05 năm, đã dồn điền đổi thửa khoảng 9.837 ha; chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang cây trồng khác khoảng 5.306 ha.

⁷ GTSX bình quân trên 01 ha đất nông nghiệp từ 59,72 triệu đồng năm 2015 tăng lên 74,5 triệu đồng năm 2020.

nghiệp từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao. Trong nhiệm kỳ, đã thu hút được nhiều dự án sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, nhất là ở huyện Mộ Đức; bước đầu hình thành một số mô hình liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, tạo nền tảng cho phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững.

Quản lý, bảo vệ rừng được chú trọng; diện tích rừng tăng bình quân 2,46%/năm; tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 52%. Đã ban hành chính sách khuyến khích phát triển trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, gỗ nguy cấp, quý hiếm; đẩy mạnh giao đất, giao rừng cho các tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng. Sản lượng gỗ khai thác tăng bình quân 24,03%, ước đạt 2,1 triệu m³. Ngành thủy sản tiếp tục phát triển. Sản lượng thủy sản khai thác tăng bình quân 11%/năm. Một số loài thủy sản mới có giá trị kinh tế cao được đưa vào nuôi trồng thành công⁸. Số lượng tàu có công suất lớn tăng lên đáng kể. Hạ tầng nghề cá được đầu tư, nâng cấp.

Xây dựng nông thôn mới được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả tích cực. Nông thôn có nhiều khởi sắc, đời sống người dân ngày càng được cải thiện. Đến nay, toàn tỉnh có 89 xã và 04 huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới⁹, 12 khu dân cư nông thôn kiểu mẫu.

Giảm nghèo bền vững được chú trọng và chuyển biến tích cực, nhất là ở các huyện miền núi. Một số chính sách hỗ trợ, thúc đẩy giảm nghèo được ban hành và triển khai thực hiện¹⁰, trong đó có thí điểm thực hiện chính sách khuyến khích hộ nghèo tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị để tăng thu nhập và vươn lên thoát nghèo bền vững. Hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu được quan tâm đầu tư¹¹; đã ưu tiên bố trí các nguồn vốn từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nâng cao dân trí, giảm nghèo bền vững. Nhờ đó, so với đầu nhiệm kỳ, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 13,6% xuống còn 6,17%, trong đó khu vực miền núi giảm từ 41,93% xuống còn 20,52%, có 01 huyện được công nhận thoát nghèo; trình độ sản xuất của người dân được nâng lên; tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước từng bước được khắc phục; một số địa phương, tiêu biểu là huyện Sơn Hà đã đưa được một số mặt hàng đặc sản, đặc trưng vào các hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại trong và ngoài tỉnh.

1.3. Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo đạt được một số kết quả tích cực

Giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân 7,28%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đến năm 2020 ước đạt khoảng 60.000 tỷ đồng, tăng bình quân 10,3%/năm. Dịch vụ phát triển đúng định hướng, tỷ trọng

⁸ Như tôm hùm, cá bớp, hàu Thái Bình Dương, ốc hương, hải sâm,...

⁹ Dự kiến đến năm 2020, có 102 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới. Tuy nhiên, do sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên số xã đạt chuẩn nông thôn mới giảm còn 89 xã.

¹⁰ Chính sách hỗ trợ học phí cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số.

¹¹ Trong 05 năm, đã đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng trên 833 công trình (trong đó, 446 công trình giao thông; 104 công trình thủy lợi; 96 công trình trường học các cấp; 121 công trình cơ sở vật chất văn hóa; 23 công trình điện; 16 công trình y tế và các công trình thiết yếu khác...).

ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; nhiều dịch vụ có mức tăng trưởng khá. Dịch vụ vận tải phát triển nhanh; bình quân doanh thu tăng 14,5%/năm, lượng khách tăng 11,1%/năm, lượng hàng hóa vận chuyển tăng 12,3%/năm. Các tuyến xe buýt được mở đến tất cả các huyện, thị xã.

Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển rộng khắp đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Dịch vụ tài chính, ngân hàng phát triển ổn định; dư nợ tín dụng tăng trưởng khá, bình quân 13%/năm. Dịch vụ phân phối, thương mại phát triển mạnh; hệ thống chợ truyền thống được đầu tư, nâng cấp, một số chợ được các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư, quản lý; một số siêu thị, trung tâm thương mại hiện đại được đầu tư, đi vào hoạt động¹², đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng. Hoạt động xuất, nhập khẩu có chuyển biến tích cực; năm 2020, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 01 tỷ USD, gấp 2,5 lần so với năm 2015; kim ngạch nhập khẩu ước đạt 1,24 tỷ USD.

Du lịch có nhiều khởi sắc, nhất là du lịch biển, đảo, nghỉ dưỡng, sinh thái. Lượng du khách tăng bình quân 13,4%/năm; doanh thu ngành du lịch tăng bình quân 16,4%/năm. Hạ tầng du lịch tiếp tục được đầu tư; các cơ sở lưu trú có bước phát triển cả về số lượng, chất lượng. Các sản phẩm, loại hình du lịch ngày càng đa dạng. Một số khu, điểm du lịch mới được đầu tư hoàn thành, đưa vào khai thác. Đã thu hút được một số dự án đầu tư có quy mô lớn, được kỳ vọng tạo ra đột phá cho phát triển du lịch của tỉnh.

Kinh tế biển tiếp tục phát triển. Giá trị sản xuất bình quân các huyện ven biển và huyện đảo Lý Sơn giai đoạn 2016-2020 ước tăng 13,8%/năm. Các ngành kinh tế biển, nhất là lọc, hóa dầu, công nghiệp chế biến, chế tạo dựa trên ưu thế của cảng biển nước sâu, du lịch biển, đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản có bước phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực ven biển, đảo tiếp tục được đầu tư, từng bước hoàn thiện. Các vấn đề xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biển, đảo được chú trọng. Huyện đảo Lý Sơn được quan tâm đầu tư, phát triển, trở thành điểm du lịch thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước; các giải pháp cho mục tiêu phát triển bền vững huyện đảo được tích cực triển khai thực hiện.

1.4. Thực hiện nhiệm vụ đột phá đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị đạt nhiều kết quả quan trọng

Hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được ưu tiên nguồn lực đầu tư, hoàn thiện¹³. Một số dự án trọng điểm được xác định trong Nghị quyết XIX như: Cầu Cửa Đại, Cầu Thạch Bích, Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Đường Trì Bình – Dung Quất (giai đoạn 1), Cảng Bến Đình, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Y học Cổ truyền,... đã được đầu tư, đưa vào sử dụng, tạo diện mạo mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Một số công trình quan trọng như: Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc, Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh (giai đoạn 2a),... được khởi công xây dựng. Hệ thống giao

¹² Trung tâm thương mại và nhà phố Shophouse của Tập đoàn VinGroup, Trung tâm thương mại và siêu thị Hùng Cường Big C của Tập đoàn Vinagroup.

¹³ Trong 5 năm, có khoảng 1.240 dự án, công trình được đầu tư, xây dựng (110 dự án chuyển tiếp, 230 dự án khởi công mới, 900 dự án quy mô nhỏ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới).

thông, điện, thủy lợi,... được chú trọng đầu tư. Đến nay, có 98,6% tuyến tỉnh lộ, 47,6% tuyến giao thông nông thôn được nhựa hóa, cứng hóa; 100% xã phủ lưới điện quốc gia; 48% chiều dài kênh mương được kiên cố hóa. Hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, khoa học, công nghệ có bước phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Hệ thống hạ tầng Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp được đầu tư nâng cấp, mở rộng.

Đô thị có bước phát triển. Huyện Đức Phổ đã trở thành thị xã. Các công trình thiết yếu ở từng đô thị được quan tâm, đầu tư; chỉnh trang đô thị được chú trọng. Một số khu đô thị và khu dân cư mới đã và đang được xây dựng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở của người dân. Đến năm 2020, tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh ước đạt 24,5%.

1.5. Môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện; công tác xúc tiến đầu tư có đổi mới, huy động được nhiều nguồn lực đầu tư; các thành phần kinh tế được thúc đẩy phát triển

Các thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh được đơn giản hóa, công khai, minh bạch; đã đầu tư và đưa Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đi vào hoạt động, góp phần cắt giảm thời gian giải quyết các thủ tục đầu tư, kinh doanh cho doanh nghiệp. Thường xuyên đối thoại, hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Tổ chức nhiều hoạt động khuyến khích khởi nghiệp¹⁴. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được nâng lên¹⁵.

Công tác xúc tiến đầu tư có đổi mới, được tổ chức đa dạng với nhiều hình thức, trong đó chú trọng phương thức gặp gỡ trực tiếp các nhà đầu tư lớn để mời gọi, thu hút đầu tư. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng nhanh, tổng vốn huy động 5 năm ước đạt 143.558 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách nhà nước khoảng 25.102 tỷ đồng. Nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng ngày càng cao, tăng từ khoảng 51% năm 2015 lên khoảng 76% năm 2020.

Doanh nghiệp nhà nước được tái cơ cấu theo kế hoạch. Doanh nghiệp ngoài nhà nước phát triển mạnh, tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm cho lao động. Kinh tế tập thể được quan tâm, chất lượng được cải thiện, các hợp tác xã được tổ chức lại, bước đầu phù hợp với cơ chế thị trường.

1.6. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường

Công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên có chuyển biến tích cực. Đã hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020). Cơ bản hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Nguồn lực đất đai được sử dụng cơ bản hợp lý; đã mở rộng quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng, công nghiệp, dịch vụ, đô thị. Việc cấp quyền khai thác khoáng sản thông qua đấu giá được đẩy mạnh. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường được tăng cường. Chất lượng môi trường sống từng bước được nâng lên. Đa phần người dân, kể cả ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn,

¹⁴ Có 2.878 hồ sơ doanh nghiệp đăng ký thành lập mới.

¹⁵ Từ 59,7 điểm năm 2015 lên 64,33 điểm năm 2019.

khan hiếm nước ngầm đã được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh. Vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại ở các đô thị, khu, cụm công nghiệp, làng nghề và công tác xử lý chất thải rắn y tế được chú trọng. Đưa vào vận hành hệ thống tiếp nhận số liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục; cơ bản giám sát chặt chẽ tình hình xả thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh có lưu lượng xả thải lớn. Đánh giá tác động môi trường của các dự án được chú trọng. Công tác ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu được quan tâm.

1.7. Công tác quy hoạch và quản lý thực hiện các quy hoạch có chuyển biến tích cực; ban hành nhiều chính sách tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội

Công tác lập, phê duyệt quy hoạch cơ bản bám sát hành lang pháp lý của Nhà nước, khai thác được các tiềm năng, lợi thế trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo cơ sở thuận lợi để quản lý, định hướng đầu tư, phát triển. Đã triển khai lập, phê duyệt, điều chỉnh các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương trong tỉnh. Công tác quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng, đô thị, quy hoạch nông thôn mới được chú trọng. Nhiều chính sách tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội được ban hành, sửa đổi phù hợp với quy định của Trung ương, điều kiện của tỉnh.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; an sinh xã hội được bảo đảm

2.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người được chú trọng

Tỉnh ủy đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu đổi mới, hội nhập và phát triển bền vững đạt kết quả bước đầu. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa từng bước được nâng lên. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, nay là phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” đã tạo sự lan tỏa, tác động thiết thực đến đời sống kinh tế - xã hội¹⁶.

Văn hóa, văn nghệ quần chúng phát triển đều khắp ở các địa phương. Đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử, chính trị quan trọng, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia, tạo khí thế vui tươi, phấn khởi, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Đời sống văn hóa của Nhân dân ngày càng phong phú. Một số lễ hội dân gian, nghề truyền thống được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia¹⁷. Nhiều di tích lịch sử, văn hóa được bảo tồn và phát huy giá trị. Chủ trương xây dựng công viên địa chất toàn cầu đối với Lý Sơn và vùng phụ cận được triển khai thực hiện tích cực. Các thiết chế văn hóa tiếp tục được quan tâm đầu tư. Hoạt động văn học, nghệ thuật có đổi mới, một số tác phẩm phản ánh tương đối toàn diện sự nghiệp đổi mới và phát triển của tỉnh, khơi dậy và phát huy những giá trị tốt đẹp của văn hóa, con người Quảng Ngãi.

Thể dục, thể thao quần chúng phát triển rộng khắp. Đến năm 2020, 36% dân

¹⁶ Có 88% gia đình, 78% thôn, khối phố, 96% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, đạt mục tiêu Nghị quyết XIX.

¹⁷ Lễ hội Khao lè thể lính Hoàng Sa; Lễ hội Điện Trường Bà; Nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Hrê.

số, 25% hộ gia đình tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên. Một số môn thể thao thành tích cao tiếp tục được quan tâm đầu tư.

2.2. Chất lượng giáo dục và đào tạo tiếp tục được nâng lên

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; phổ cập giáo dục có chuyển biến tích cực. Chất lượng giáo dục các cấp học, bậc học được nâng lên. Đã chú trọng giáo dục toàn diện, giáo dục văn hóa kết hợp với giáo dục đạo đức, lý tưởng, kỹ năng sống,...; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo được củng cố, kiện toàn, bảo đảm về cơ cấu, chuẩn hóa về chuyên môn. Hệ thống trường các cấp học được rà soát, sắp xếp hợp lý hơn. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giáo dục, đào tạo tiếp tục được quan tâm đầu tư, xây dựng. Thu hút nguồn vốn từ khu vực tư nhân cho đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo đạt một số kết quả tích cực. Công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông được tích cực thực hiện. Công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập phát triển rộng khắp. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các chính sách phát triển giáo dục ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các chỉ tiêu về tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết XIX đề ra.

2.3. Thực hiện nhiệm vụ đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh đạt một số kết quả

Đã tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp¹⁸. Cử nhiều lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó có một số được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài¹⁹. Nhiều chính sách phát triển nguồn nhân lực đã được ban hành và triển khai thực hiện; đã thu hút được 135 công chức, viên chức có trình độ cao về làm việc tại tỉnh²⁰. Nhìn chung, chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên, ngày càng đáp ứng yêu cầu phát triển.

Chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sản xuất, kinh doanh có bước cải thiện. Các cơ sở đào tạo đã chủ động đổi mới, cập nhật, bổ sung chương trình, nội dung đào tạo, mở rộng liên kết với doanh nghiệp, hợp tác quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề ước đạt 55%. Công tác khảo sát, đánh giá thực trạng lao động và dự báo nhu cầu nhân lực được quan tâm. Các giải pháp hỗ trợ giải quyết việc làm được thực hiện đa dạng; trong nhiệm kỳ, có khoảng 9.000 người tham gia lao động ở nước ngoài. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp, dịch vụ.

2.4. Lĩnh vực khoa học, công nghệ có bước phát triển; chất lượng hoạt động

¹⁸ Đã tổ chức 5 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho hơn 1000 cán bộ lãnh đạo, quản lý.

¹⁹ Đã cử hơn 500 lượt cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo lý luận chính trị (chưa kể các lớp trung cấp chính trị tổ chức tại tỉnh); đã cử đi đào tạo 14 tiến sĩ (có 01 tiến sĩ nước ngoài), gần 200 thạc sĩ (có 05 thạc sĩ nước ngoài), hơn 700 cử nhân đại học, hơn 100 bác sĩ chuyên khoa I, II; đã cử hơn 80 lượt cán bộ đi bồi dưỡng ngắn hạn và trung hạn trong và ngoài nước, gần 200 lượt cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện và hơn 17.000 lượt công chức cấp xã đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ.

²⁰ Trong đó, có 111 bác sĩ.

thông tin, truyền thông, báo chí được nâng lên

Nhiều chương trình²¹, mô hình, dự án, đề tài nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học, công nghệ được triển khai thực hiện, đạt một số kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất lao động, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm²². Đã tập trung hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm²³. Tổ chức một số hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và thúc đẩy sáng kiến, sáng tạo kỹ thuật.

Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được quan tâm đầu tư. Công nghệ thông tin được chú trọng ứng dụng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước; nhiều cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin và phần mềm quản lý chuyên ngành được đầu tư, đưa vào sử dụng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước. Đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp các dịch vụ hành chính công phục vụ tổ chức, cá nhân, tạo thuận lợi cho sự tương tác giữa tổ chức, cá nhân với các cơ quan nhà nước, góp phần từng bước hình thành chính quyền điện tử.

Hoạt động thông tin, truyền thông, báo chí, phát thanh, truyền hình ngày càng đa dạng, phong phú, kịp thời cung cấp thông tin, định hướng dư luận xã hội, tuyên truyền sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước, gương người tốt, việc tốt,... Quản lý thông tin trên mạng Internet được tăng cường.

2.5. Sự nghiệp y tế tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát triển

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, kế hoạch hóa gia đình được coi trọng, đạt nhiều kết quả. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố và phát triển. Các bệnh viện tuyến tỉnh và huyện được mở rộng, cải tạo, nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng hiện đại. Chất lượng khám, chữa bệnh, tinh thần thái độ phục vụ đối với bệnh nhân có chuyển biến tích cực. Nguồn nhân lực y tế chất lượng cao được chú trọng đào tạo và thu hút. Xã hội hóa y tế đạt được một số kết quả. Công tác quản lý hành nghề y, dược tư nhân; thanh tra, kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường. Công tác phòng, chống dịch bệnh thường xuyên được triển khai, không để xảy ra tình trạng dịch bệnh lan rộng trên địa bàn tỉnh. Các chương trình mục tiêu về dân số, y tế được triển khai thực hiện đạt kết quả tốt. Đến năm 2020, ước đạt 29,5 giường bệnh/vạn dân, 7,45 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%; 90% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 13%.

2.6. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

²¹ Đã triển khai thực hiện 06 chương trình về khoa học, công nghệ: phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới; hỗ trợ doanh nghiệp, doanh nhân; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; khoa học xã hội và nhân văn; bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ.

²² Đã triển khai 23 dự án, mô hình trong lĩnh vực nông nghiệp; 05 dự án, mô hình ứng dụng trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ; 02 dự án, mô hình trong lĩnh vực tài nguyên, bảo vệ môi trường; 12 đề tài nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; 05 đề tài, dự án trong lĩnh vực y, dược.

²³ Đã hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ cho 08 doanh nghiệp; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho 20 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã và hộ kinh doanh; hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm cho 58 doanh nghiệp.

Thực hiện đền ơn, đáp nghĩa, chính sách đối với người có công, thương binh, gia đình liệt sĩ, các đối tượng chính sách, người cao tuổi, đồng bào nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ngày càng tốt. Cơ bản giải quyết xong hồ sơ đề nghị xác nhận, công nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh còn tồn đọng; hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho người có công và thân nhân²⁴; 100% bà mẹ Việt Nam anh hùng được phụng dưỡng. 100% đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng chính sách của Nhà nước. Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, giải quyết việc làm cho người lao động.

3. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác nội chính, đối ngoại được tăng cường

Quốc phòng, an ninh được bảo đảm; an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Lực lượng vũ trang địa phương được xây dựng vững mạnh toàn diện, không ngừng nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, tham gia tích cực vào các hoạt động của tỉnh và các địa phương. Thực hiện có hiệu quả công tác dân quân tự vệ; xây dựng lực lượng dự bị động viên với chất lượng và độ tin cậy cao. Xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh đạt hơn 92%. Chỉ đạo và tổ chức thành công các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ cấp tỉnh và các địa phương; giao quân đạt 100% chỉ tiêu, bảo đảm chất lượng. Quản lý nhà nước về an ninh, trật tự được tăng cường. Đã huy động được cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội. An ninh tuyến núi, tuyến biển, hải đảo, các vùng trọng điểm được đảm bảo. Việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh được coi trọng. Trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ có chuyển biến tích cực.

Công tác nội chính, phòng, chống, tham nhũng, lãng phí, cải cách tư pháp đạt nhiều kết quả. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được thực hiện theo đúng quy định, giảm thiểu tình trạng oan sai, bỏ lọt tội phạm. Thực hiện đúng các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai, công khai, minh bạch tài sản, thu nhập. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được thực hiện thường xuyên, hiệu quả. Thanh tra và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận thanh tra, quyết định xử lý sau thanh tra được tăng cường, kịp thời chấn chỉnh các sai phạm, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được chú trọng; tỷ lệ giải quyết đạt 89,76%.

Công tác đối ngoại đạt một số kết quả. Quan hệ hợp tác hữu nghị truyền thống với các địa phương của Lào ngày càng sâu sắc; đã chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương, đơn vị của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore,... để xúc tiến thương mại, đầu tư, kêu gọi viện trợ ODA. Đối ngoại nhân dân được tăng cường. Đã xúc tiến, vận động các tổ chức phi chính phủ nước

²⁴ Đã giải quyết chế độ cho trên 28.000 người có công và thân nhân; hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở cho 8.734 nhà.

ngoài tài trợ nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội²⁵. Quản lý biên giới, lãnh thổ, bảo hộ công dân được chú trọng thực hiện kịp thời.

4. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp được nâng lên; thực hiện nhiệm vụ trọng tâm cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính đạt nhiều kết quả

Đã tổ chức tốt cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016 - 2021. Hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh và các cấp có nhiều đổi mới, chất lượng được nâng lên. Đã kịp thời thể chế hóa chủ trương của Trung ương, của cấp ủy cùng cấp bảo đảm đúng quy định và phù hợp với thực tiễn của tỉnh. Dân chủ, tinh thần trách nhiệm trong thẩm tra, thảo luận, quyết định những vấn đề quan trọng của địa phương được phát huy. Nội dung chất vấn, trả lời chất vấn có trọng tâm, trọng điểm, chất lượng được nâng lên. Đã tăng cường giám sát, khảo sát chuyên sâu một số lĩnh vực. Công tác kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc giải quyết các kiến nghị sau giám sát được thực hiện thường xuyên.

Đã thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo đúng chủ trương của Trung ương. Bộ máy hành chính các cấp từng bước được kiện toàn, tinh gọn và hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. Các đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động²⁶. Đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, 9/13 địa phương cấp huyện đã triển khai bộ phận một cửa hiện đại²⁷; thực hiện 100% dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 2, 20% dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3, 4. Cải cách và kiểm soát thủ tục hành chính có bước chuyển theo hướng công khai, minh bạch, khắc phục dần sự rườm rà, bất hợp lý. Giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, một cửa hiện đại đã tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện thủ tục hành chính, được tổ chức, cá nhân đánh giá cao. Kỷ luật, kỷ cương hành chính tiếp tục được nâng lên.

5. Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận và các hội, đoàn thể được đổi mới

Công tác dân vận của hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến, ngày càng thiết thực, hiệu quả. Phong trào thi đua “Dân vận khéo” được triển khai với nhiều nội dung thiết thực, bám sát yêu cầu thực tiễn. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, tập trung giải quyết kịp thời những tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của các tầng lớp Nhân dân. Quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy; Quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện gắn với các nghị quyết, chương trình công tác của cấp ủy, chính quyền ngày càng hiệu quả. Tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa bí thư các cấp ủy đảng với Nhân dân đạt nhiều kết quả, tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân. Thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo bảo đảm chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được duy trì và củng cố.

²⁵ Đã xúc tiến, vận động các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tài trợ 351 tỷ đồng với 220 chương trình, dự án.

²⁶ Đã giám 125 đơn vị sự nghiệp công lập.

²⁷ Trong đó có 03 địa phương hoạt động theo mô hình trung tâm phục vụ hành chính công.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên có nhiều đổi mới; huy động được đông đảo các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, hoạt động giám sát, phản biện xã hội có nhiều đổi mới gắn với những vấn đề Nhân dân quan tâm. Các đoàn thể đã đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chăm lo phát triển đoàn viên, hội viên; xây dựng, củng cố, phát huy vai trò của lực lượng nòng cốt, cốt cán, người có uy tín và các tầng lớp Nhân dân tham gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh trật tự.

Tổ chức công đoàn đã tích cực giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao ý thức giai cấp, tác phong công nghiệp cho đội ngũ công nhân, lao động; phát động nhiều phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo. Tích cực kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách, bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, người lao động, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ.

Hội Nông dân các cấp đã tích cực tuyên truyền, phổ biến, nâng cao kiến thức pháp luật, khoa học, kỹ thuật cho nông dân; vận động nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, giúp nhau giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.

Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp đã thực hiện tốt việc chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ; tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; chú trọng hỗ trợ, giúp đỡ phụ nữ nghèo phát triển kinh tế, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh có nhiều đổi mới trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đoàn viên, thanh niên gắn với cuộc vận động "Tuổi trẻ Quảng Ngãi học tập và làm theo lời Bác". Các phong trào thi đua, tình nguyện của tuổi trẻ được triển khai sâu rộng, bám sát nhiệm vụ của tỉnh, cổ vũ thanh niên học tập, lao động, sáng tạo, khởi nghiệp, lập nghiệp.

Hội Cựu chiến binh đã làm tốt công tác vận động hội viên cựu chiến binh giữ gìn, phát huy phẩm chất "Bộ đội Cụ Hồ", thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia tích cực vào xây dựng, bảo vệ Đảng, chính quyền, giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ.

Các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp đã bám sát nhiệm vụ chính trị của tỉnh; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới và phát triển của tỉnh.

6. Công tác xây dựng Đảng được đặc biệt quan tâm, đạt nhiều kết quả quan trọng

6.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức được tăng cường

Công tác giáo dục lý luận chính trị, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt, tuyên truyền chỉ thị, nghị quyết của Đảng có nhiều đổi mới, từng bước nâng cao chất lượng. Công tác thông tin, tuyên truyền bảo đảm phản ánh đầy đủ, toàn diện sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và sự quản lý, điều hành của chính quyền các cấp. Chủ động nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội và kịp thời định hướng thông tin; các cấp ủy tổ chức nhiều cuộc đối thoại, tiếp

xúc để lắng nghe ý kiến của Nhân dân, học sinh, sinh viên, các giới, các ngành; thực hiện có hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần ổn định tư tưởng trong xã hội và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đã triển khai nhiều nội dung xây dựng Đảng về đạo đức. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) về xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã góp phần từng bước nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên. Đã chú trọng xây dựng, biểu dương, nhân rộng các mô hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tạo hiệu ứng lan tỏa tốt. Việc ban hành và thực hiện Quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên đã góp phần tạo chuyển biến trong việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và trong thực thi nhiệm vụ, phục vụ Nhân dân của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu các cấp.

6.2. Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên đạt kết quả tốt

Thực hiện Nghị quyết 18, 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị các cấp từng bước được đổi mới, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, từng bước khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý²⁸. Hoàn thành việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, huyện. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu, chuẩn hóa theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm. Quản lý biên chế chặt chẽ hơn, việc tinh giản biên chế đảm bảo theo lộ trình.

Đã rà soát, bổ sung, ban hành mới một số quy định về cán bộ và công tác cán bộ phù hợp tình hình thực tế của tỉnh; rà soát, chấn chỉnh việc thực hiện công tác cán bộ ở các địa phương, đơn vị. Nhận xét, đánh giá cán bộ có chuyển biến tốt, dần đi vào thực chất, khách quan hơn. Tổ chức nghiêm túc việc lấy phiếu tín nhiệm giữa nhiệm kỳ đối với bí thư, các phó bí thư và ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp. Quy hoạch cán bộ được thực hiện đồng bộ theo hướng “động” và “mở”, chất lượng quy hoạch được nâng lên, khắc phục dần tình trạng khép kín, thiếu tính chiến

²⁸ Đã thực hiện Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy đồng thời Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đồng thời là Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh. Ở cấp huyện, 12/13 địa phương thực hiện trưởng ban dân vận đồng thời là chủ tịch ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; 13/13 địa phương thực hiện trưởng ban tuyên giáo đồng thời là giám đốc trung tâm bồi dưỡng chính trị; 08/13 địa phương thực hiện trưởng ban tổ chức đồng thời là trưởng phòng nội vụ; 05/13 địa phương thực hiện chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đồng thời là chánh thanh tra, đặc biệt có 05 đơn vị (Trà Bồng, Sơn Tịnh, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Minh Long) thực hiện cả 04 chức danh nêu trên; có 13/13 địa phương thực hiện hợp nhất văn phòng cấp ủy với văn phòng HĐND và UBND; 05/13 địa phương thực hiện hợp nhất ban tổ chức với phòng nội vụ; 04/13 địa phương thực hiện hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra với cơ quan thanh tra; 02/13 địa phương thí điểm thành lập cơ quan tham mưu, giúp việc chung khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; 02/13 địa phương thực hiện thí điểm sáp nhập trung tâm bồi dưỡng chính trị với ban tuyên giáo.

lược. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gắn với quy hoạch, bố trí, sử dụng được chú trọng. Điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ được thực hiện kịp thời, đúng nguyên tắc, thẩm quyền; gắn điều động, luân chuyển với sắp xếp, bố trí cán bộ sau đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2015 - 2020 và bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016 – 2021. Đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý giữ vị trí trên 08 năm và cán bộ có biểu hiện trì trệ, bảo thủ, ngại va chạm, thiếu ý thức trách nhiệm. Kịp thời củng cố, kiện toàn cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy và cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Chế độ, chính sách cán bộ được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy định, nhất là thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị phục vụ công tác cán bộ và kết nạp đảng viên.

Công tác xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đảng viên được quan tâm; trong đó đã chú trọng hơn ở những địa bàn khó khăn, trọng yếu. Chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên. Đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên ngày càng thực chất hơn. Phát triển đảng viên được quan tâm thường xuyên, số lượng đảng viên kết nạp mới đạt mục tiêu Nghị quyết XIX.

6.3. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng đạt kết quả tích cực

Cấp ủy các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc các quy định của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng; ban hành và triển khai thực hiện đạt kết quả tương đối toàn diện các chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm. Đã ban hành và thực hiện tốt các quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng, cơ quan có liên quan. Chất lượng kiểm tra, giám sát được nâng lên, giảm sự trùng lặp, chồng chéo. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động triển khai toàn diện các nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều 32, Điều lệ Đảng, trọng tâm là kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giám sát mở rộng đối với đảng viên là cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý và tổ chức đảng. Qua kiểm tra, giám sát đã phát huy ưu điểm, chỉ rõ khuyết điểm, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm, giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Trong nhiệm kỳ, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra 2.989 lượt đảng viên, 2.439 lượt tổ chức đảng; giám sát 2.704 lượt đảng viên, 1.939 lượt tổ chức đảng; trong đó, ủy ban kiểm tra các cấp đã kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 410 đảng viên và 159 tổ chức đảng; thi hành kỷ luật 749 đảng viên (*kiến trách 505, cảnh cáo 166, cách chức 27, khai trừ 51*), 11 tổ chức đảng (*kiến trách*).

6.4. Phương thức lãnh đạo của các cấp ủy tiếp tục được đổi mới

Tỉnh ủy và các cấp ủy đã quán triệt, xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các nghị quyết, kết luận của Trung ương sát với tình hình thực tế; tạo nhận thức thống nhất trong cán bộ, đảng viên, nhất là những vấn đề mới. Việc xây dựng các kết luận, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XIX có đổi mới theo hướng ngắn gọn, cụ thể, sát tình hình. Việc tuyên truyền, thuyết phục, vận động, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị được thực hiện theo hướng cụ thể, thiết thực, sát từng lĩnh vực, đối tượng.

Chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành các cơ chế, chính sách để cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Quy chế làm việc; ban hành Chương trình công tác toàn khóa, hàng năm, quý, tháng, lịch công tác hàng tuần và tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả. Các chương trình, kế hoạch đã xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, phân công trách nhiệm cho từng cấp ủy viên, cơ quan liên quan và thời gian tổ chức thực hiện. Hàng năm, Tỉnh ủy xác định chủ đề công tác đề tập trung chỉ đạo. Thường xuyên kiểm tra, tổ chức làm việc với các ngành, địa phương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; sau làm việc, kiểm tra có kết luận chỉ rõ việc cần làm, thời gian hoàn thành, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân. Hàng quý rà soát, đối chiếu kết quả thực hiện nội dung kết luận để tiếp tục thúc đẩy công việc; động viên tập thể, cá nhân hoàn thành tốt; nhắc nhở, phê bình tập thể, cá nhân thực hiện chậm, hiệu quả thấp.

Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy đã thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, thể hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu và trách nhiệm của từng cá nhân trong việc trao đổi, thảo luận và ban hành các quyết định lãnh đạo, chỉ đạo. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, những vấn đề quan trọng, nhạy cảm, phức tạp đều coi trọng từ khâu nghiên cứu, tranh thủ ý kiến chỉ đạo của cấp trên, trung cầu ý kiến của các địa phương, đơn vị, lắng nghe ý kiến của các cơ quan tham mưu, dành thời gian thảo luận kỹ để đi đến thống nhất và quyết tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Về kinh tế

Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Một số chỉ tiêu chủ yếu không đạt mục tiêu Nghị quyết XIX đề ra. Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách nhà nước còn phụ thuộc vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực nhưng chậm. GRDP bình quân đầu người cao nhưng thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với trung bình của cả nước.

Công nghiệp chế biến, chế tạo phần lớn hoạt động ở phân khúc thấp trong chuỗi giá trị. Sản phẩm công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm công nghiệp mới không nhiều. Một số sản phẩm chủ lực có xu hướng giảm. Công nghiệp hỗ trợ, hóa dầu, chế biến nông, lâm, thủy sản phát triển chậm. Hầu hết các cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô nhỏ, máy móc, thiết bị công nghệ chưa hiện đại, năng suất lao động, sức cạnh tranh và khả năng hội nhập thấp.

Nông nghiệp phát triển chưa thật sự bền vững, hiệu quả chưa cao, cơ cấu chuyên dịch chậm, chưa rõ nét. Sản xuất theo hướng hàng hóa, liên kết theo chuỗi giá trị còn ít, phần lớn sản phẩm bán ra thị trường chưa qua chế biến sâu. Vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến thiếu ổn định. Tình trạng phá rừng, vi phạm các quy định về bảo vệ và phát triển rừng còn xảy ra. Hạ tầng, dịch vụ hậu cần nghề cá chưa đáp ứng nhu cầu tiếp nhận, chế biến hải sản sau khai thác; số lượng tàu làm ăn thua lỗ tăng. Quy mô nuôi trồng thủy sản nhỏ, dịch bệnh trên tôm nuôi xảy ra nhiều nơi. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông, lâm, thủy sản còn yếu. Ứng dụng khoa học, kỹ thuật trong sản xuất nông sản, xây dựng thương hiệu nông sản chưa nhiều. Nhiều hợp tác xã, tổ hợp tác có quy mô nhỏ, hiệu quả hoạt động thấp; liên kết các thành phần kinh tế chưa bền vững. Kết quả xây dựng

nông thôn mới của tỉnh còn thấp so với bình quân chung của cả nước, có sự chênh lệch lớn giữa các địa phương, vùng đồng bằng và miền núi.

Dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, một số chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt. Quy hoạch phát triển ngành dịch vụ chưa đồng bộ, thiếu liên kết. Dịch vụ vận tải biển chưa hiện đại, chi phí cao, sức cạnh tranh hàng hóa qua cảng thấp. Đầu tư phát triển hạ tầng du lịch còn hạn chế, chưa có khu, điểm du lịch hoàn chỉnh, thiếu các điểm vui chơi, giải trí quy mô lớn; nhiều dự án triển khai chậm tiến độ. Quy mô kinh tế biển nhỏ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở vùng biển, đảo phát triển chưa đồng bộ; đời sống của Nhân dân vùng biển còn nhiều khó khăn.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế. Hạ tầng giao thông, đô thị chưa đồng bộ; một số công trình giao thông quan trọng chậm tiến độ. Hạ tầng văn hóa - xã hội, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng. Công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế hiệu quả chưa cao; năng lực hội nhập và sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong tỉnh còn thấp. Tàu thuyền, ngư dân đánh bắt xa bờ trên vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam bị tàu nước ngoài tấn công, xua đuổi, đập phá, thu giữ ngư lưới cụ, tài sản có chiều hướng gia tăng.

Quản lý đất công ích và các loại đất nông nghiệp chưa hiệu quả. Việc cấp phép hoạt động khoáng sản còn nhiều bất cập; tình trạng khai thác đá, sỏi, cát trái phép còn diễn ra nhiều nơi. Nhận thức về bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn thấp; bảo tồn đa dạng sinh học chưa được chú trọng. Việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có mặt còn hạn chế. Chất lượng một số quy hoạch chưa cao, tính dự báo thấp, chưa gắn liền với điều kiện thực tế của địa phương, thiếu thông tin quản lý, dẫn đến bất cập trong quản lý và đưa quy hoạch vào thực hiện; phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế phát triển. Nguồn lực đầu tư thực hiện các quy hoạch phụ thuộc nhiều vào ngân sách nhà nước.

2. Về văn hoá - xã hội

Phát triển văn hóa chưa tương xứng với phát triển kinh tế. Thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu. Một số di tích lịch sử, văn hóa xuống cấp, chưa được trùng tu, sửa chữa, nâng cấp kịp thời. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học chưa đáp ứng yêu cầu. Dạy thêm, học thêm trái quy định còn diễn ra. Đội ngũ giáo viên vừa thừa, vừa thiếu. Công tác quản lý, dự báo và kết nối cung, cầu lao động còn hạn chế. Cơ cấu ngành, nghề đào tạo nghề chưa hợp lý, thiếu nguồn lao động có tay nghề cao. Chất lượng khám, chữa bệnh tuy có cải thiện nhưng chưa thật sự đáp ứng yêu cầu. Thiếu y, bác sĩ có trình độ chuyên môn cao ở tuyến huyện, xã. Tình trạng quá tải tại các bệnh viện tuyến tỉnh chưa được khắc phục. Xã hội hóa y tế còn hạn chế. Quản lý vệ sinh, an toàn thực phẩm còn bất cập. Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp. Tình trạng doanh nghiệp trốn đóng, nợ bảo hiểm xã hội còn nhiều. Hướng dẫn, giải quyết chế độ, chính sách cho người có công ở một số nơi còn chậm. Giảm nghèo ở miền núi chưa thật sự bền vững, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Việc lồng ghép các chương trình, dự án trong thực hiện giảm nghèo hiệu quả chưa cao. Một số địa phương chưa chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thiết để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động khoa học, công nghệ vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực của các

tổ chức khoa học, công nghệ còn yếu, thiếu sự gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp để hình thành liên kết chuỗi giá trị.

3. Về quốc phòng, an ninh và công tác nội chính

Thực hiện công tác quốc phòng, an ninh, nội chính có mặt chưa toàn diện. Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chính quyền về xây dựng các tiềm lực quốc phòng chưa đầy đủ. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh có mặt còn hạn chế. Công tác nắm và dự báo tình hình trong Nhân dân có lúc chưa kịp thời, sâu sát. Tình hình an ninh trật tự tại một số địa bàn còn tiềm ẩn phức tạp. An ninh trong tôn giáo, nông thôn, môi trường, dịch bệnh còn diễn biến phức tạp. Tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, tín dụng đen vẫn là vấn đề bức xúc. Tội phạm ma túy, tệ nạn ma túy, tỷ lệ thanh niên, thiếu niên vi phạm pháp luật có chiều hướng gia tăng.

Cải cách tư pháp chưa đáp ứng kịp thời với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Việc thực hiện kết luận thanh tra của một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời; khắc phục sai phạm còn nhiều hạn chế. Giải quyết khiếu nại, tố cáo còn chậm; tỷ lệ giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa đạt yêu cầu. Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân và chủ trì đối thoại. Một số giải pháp đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được thực hiện nhưng còn hình thức, hiệu quả chưa cao; tình trạng tham nhũng vặt và lãng phí còn xảy ra ở một số địa phương, đơn vị. Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, ô nhiễm môi trường ở một số địa phương phức tạp, kéo dài chưa được xử lý dứt điểm.

4. Về xây dựng chính quyền

Việc giải quyết các phản ánh, kiến nghị của cử tri và các kiến nghị sau giám sát, tiếp xúc, đối thoại có nơi còn chậm. Cải cách hành chính chưa thực sự quyết liệt, đồng bộ. Giải quyết thủ tục hành chính tại một số cơ quan, địa phương chưa tốt. Hoạt động của một số mô hình một cửa, một cửa liên thông điện tử hiện đại ở cấp huyện, cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu, có nơi còn mang tính hình thức. Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa nhiều. Chất lượng dịch vụ công của một số đơn vị sự nghiệp còn hạn chế. Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, lành mạnh, chưa có sự phối hợp tích cực để hỗ trợ cho nhà đầu tư, doanh nghiệp. Các chỉ số: cải cách hành chính (PAR INDEX), hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) chậm được cải thiện, ở vị trí thấp so với các tỉnh, thành phố trong cả nước. Ý thức trách nhiệm, trình độ, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu; kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm.

5. Về công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận và các hội, đoàn thể

Nhận thức về công tác dân vận trong hệ thống chính trị chưa đồng bộ. Công tác dân vận chính quyền ở một số nơi chưa đạt yêu cầu. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở có nơi còn hình thức. Chất lượng giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận, các đoàn thể, nhất là ở cơ sở còn hạn chế; chưa phát huy tốt vai trò giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chưa rõ nét, triển khai các phong trào thi đua chưa đồng đều, rộng khắp. Theo dõi, nắm bắt dư luận xã hội có lúc chưa

kip thời; vai trò của lực lượng nòng cốt, người có uy tín chưa được phát huy đúng mức trong tham gia giải quyết các "điểm nóng" xảy ra tại cơ sở.

6. Về công tác xây dựng Đảng

Việc học tập, quán triệt và sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng có lúc, có nơi triển khai chậm, hiệu quả chưa cao. Công tác tuyên truyền, định hướng tư tưởng, dư luận có lúc chưa kịp thời, thiếu chiều sâu. Đấu tranh, ngăn chặn, phản bác luận điệu sai trái, thông tin tiêu cực có lúc chưa kịp thời, có mặt còn lúng túng, thiếu sắc bén. Việc thực hiện nêu gương của một số cán bộ, đảng viên vẫn còn hạn chế. Hiệu ứng của việc biểu dương, nhân rộng cá nhân, tập thể tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh chưa nhiều, chưa rộng. Việc đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy còn lúng túng. Thực hiện tinh giản biên chế ở một số đơn vị chưa có lộ trình, kế hoạch cụ thể. Đánh giá cán bộ vẫn còn tình trạng cảm tính, nể nang. Quy hoạch cán bộ thiếu tính tổng thể, liên thông giữa các cấp, các địa phương. Việc điều động, luân chuyển, bộ nhiệm, giới thiệu ứng cử có trường hợp chưa bảo đảm tiêu chuẩn, quy trình; có địa phương, đơn vị chưa xây dựng kế hoạch thực hiện điều động, luân chuyển cán bộ. Thực hiện công tác chính trị nội bộ, nhất là vấn đề chính trị hiện nay còn hạn chế.

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở đảng còn thấp, chưa làm tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở. Phát triển đảng viên trong doanh nghiệp ngoài nhà nước và ở địa bàn dân cư còn khó khăn. Quản lý đảng viên, nhất là đảng viên là bộ đội xuất ngũ, đi làm ăn xa chưa chặt chẽ. Tự phê bình và phê bình ở một số tổ chức đảng chưa nghiêm, có biểu hiện nể nang, xuê xoa.

Kỷ luật, kỷ cương trong Đảng ở một số ít tổ chức, đơn vị chưa nghiêm; còn tình trạng vi phạm quy chế làm việc, nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật phát ngôn; một số trường hợp xử lý kỷ luật về hành chính chưa đồng bộ với xử lý kỷ luật về Đảng. Việc theo dõi, đôn đốc, giám sát tình hình khắc phục sai sót, khuyết điểm, vi phạm đã chỉ ra qua kiểm tra, thanh tra, giám sát chưa thường xuyên. Ủy ban kiểm tra các cấp và một số tổ chức đảng, cơ quan chưa thật sự chủ động trong việc thực hiện các quy chế phối hợp, nhất là phối hợp, trao đổi thông tin về dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên.

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Năm năm qua, tỉnh ta đạt được nhiều kết quả có ý nghĩa, tạo tiền đề quan trọng cho phát triển toàn diện kinh tế - xã hội trong năm năm đến. Kinh tế tiếp tục tăng trưởng khá, chất lượng tăng trưởng kinh tế được nâng lên; quy mô tổng sản phẩm tăng đáng kể; giảm dần sự phụ thuộc vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Thực hiện 03 nhiệm vụ đột phá, 03 nhiệm vụ trọng tâm gắn với cơ cấu lại nền kinh tế đạt kết quả tích cực. Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch tích cực, từng bước phát triển theo chiều sâu. Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình hạ tầng quan trọng. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực. Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả quan trọng; an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống Nhân dân tiếp tục được nâng lên. Cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính được thực hiện quyết liệt, môi trường đầu tư kinh doanh từng bước

được cải thiện. Đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh. Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và tổ chức được chú trọng. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được nâng lên. Các tổ chức trong hệ thống chính trị được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả hơn. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước tiếp tục được củng cố, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của sự nghiệp đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, phát triển kinh tế - xã hội chưa tương xứng với tiềm năng, thiếu tính bền vững. Tăng trưởng kinh tế còn thấp so với mục tiêu đề ra. Năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Chuyển dịch cơ cấu lao động chưa theo kịp chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Quá trình đô thị hóa diễn ra chậm, chất lượng đô thị hóa chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh thiếu về số lượng, thấp về chất lượng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu. Chưa khai thác tốt những cơ hội và điều kiện thuận lợi của hội nhập quốc tế. Khoảng cách giàu nghèo có xu hướng gia tăng. Tỷ lệ hộ nghèo ở miền núi còn cao. Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường chưa được chú trọng đúng mức. Tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai, môi trường ở một số địa phương phức tạp, kéo dài. Công tác dân vận chính quyền ở một số nơi chưa đạt yêu cầu. Công tác tuyên truyền, định hướng tư tưởng, dư luận có lúc chưa kịp thời, thiếu chiều sâu. Việc thực hiện chuẩn mực đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn hạn chế. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng, đảng viên còn yếu.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, cả khách quan và chủ quan. Trong đó nguyên nhân chủ quan là cơ bản. Việc thực hiện quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ gắn với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” vẫn chưa đồng bộ, hiệu quả. Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu ở một số cấp ủy, chính quyền còn mờ nhạt. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành có lúc chưa đồng bộ, thiếu kiên quyết. Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, đề xuất xử lý những khó khăn, vướng mắc của các cơ quan tham mưu chưa thường xuyên, kịp thời. Nội dung dự báo chưa sát với thực tế. Một số chính sách đã ban hành chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tính khả thi chưa cao. Năng lực tham mưu, tổ chức, thực thi chính sách của một bộ phận cán bộ, công chức còn yếu. Một số cán bộ, đảng viên ngại đổi mới, chưa tận tâm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện trong năm năm qua, rút ra một số kinh nghiệm sau:

(1) Chú trọng công tác chính trị, tư tưởng; thường xuyên giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Tập trung chăm lo xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ; tự phê bình và phê bình; tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tạo đồng thuận xã hội.

(2) Bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phân tích, dự báo, thể chế hóa kịp thời các chủ trương của Đảng; hoạch định, bổ sung, ban hành mới các chính sách phù hợp với thực tiễn. Kiên trì, sáng tạo trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát.

(3) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, phẩm chất để thực hiện nhiệm vụ.

(4) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện các nhiệm vụ đột phá, trọng tâm đã được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX và chủ đề hàng năm của Tỉnh ủy. Đối với những vấn đề quan trọng, nhạy cảm, phức tạp, cần tranh thủ ý kiến chỉ đạo của cấp trên, tham khảo ý kiến các địa phương, đơn vị, phát huy vai trò, trách nhiệm các cơ quan tham mưu, trao đổi, thảo luận kỹ trong tập thể trước khi quyết định và quyết tâm chỉ đạo thực hiện.

(5) Xác định công tác dân vận là nhiệm vụ quan trọng; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, nhất là phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*"; công khai, minh bạch các chủ trương, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội... để Nhân dân biết, tham gia góp ý, phản biện và giám sát việc thực hiện.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN, MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2020 – 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

Dự báo trong những năm đến, tình hình thế giới, khu vực, biển Đông, môi trường, dịch bệnh sẽ tiếp tục diễn biến hết sức phức tạp, khó lường. Kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều bất ổn, chiến tranh thương mại tiếp tục diễn ra gay gắt, khu vực Châu Á – Thái Bình Dương vẫn là khu vực năng động nhất, có vai trò quan trọng trong kinh tế toàn cầu, hội nhập quốc tế. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo ra cả thời cơ và nhiều khó khăn, thách thức mới.

Trong nước, sau gần 35 năm đổi mới, thế và lực của đất nước, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, thời gian đến, Việt Nam đang đứng trước nhiều thách thức: hội nhập quốc tế sâu rộng hơn sẽ phải thực hiện đầy đủ các cam kết khi tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong khi hạ tầng nền kinh tế còn nhiều hạn chế; nền kinh tế phát triển chưa bền vững; xu hướng già hóa dân số nhanh; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng tác động mạnh, đe dọa nghiêm trọng đến sự phát triển đất nước.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, sau hơn 30 năm tái lập tỉnh đã tạo cho tỉnh lợi thế và tiềm lực mạnh để đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong Nhân dân, sự ổn định về chính trị tiếp tục là tiền đề, là động lực cho sự phát triển. Tuy nhiên, những hạn chế, yếu kém đã chỉ ra trong thời gian qua nếu chậm được khắc phục sẽ là những thách thức căn bản trong quá trình phát triển của tỉnh.

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Đổi mới mạnh mẽ tư duy; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững. Phát triển kinh tế chủ yếu dựa trên phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, lấy tăng trưởng, phát triển theo chiều sâu làm hướng chủ đạo. Chủ động tham gia, tận dụng tốt các cơ hội của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển đa dạng các thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là trung tâm và lực lượng phát triển chủ yếu.

2. Phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa – xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Khơi dậy khát vọng, niềm tin phát triển trong mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân; lấy giá trị văn hóa, con người làm nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững.

3. Xây dựng xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỷ cương, an toàn. Con người ứng xử tôn trọng với nhau và với môi trường tự nhiên. Nhà nước làm tốt vai trò kiến tạo để mọi người được trao cơ hội phát triển, không ai bị bỏ lại phía sau, phát huy tối đa nguồn lực, sức sáng tạo, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

4. Mọi chủ trương, chính sách phát triển phải thực sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân. Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Lấy hạnh phúc, ấm no của Nhân dân làm mục tiêu phấn đấu.

5. Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển bền vững.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xứng đáng với niềm tin của Nhân dân; phát huy sức mạnh đoàn kết và khát vọng vươn lên; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tận dụng thời cơ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ngãi có thu nhập bình quân đầu người cao hơn mức bình quân cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025, Quảng Ngãi có thu nhập bình quân đầu người bằng thu nhập bình quân đầu người của cả nước.

- Đến năm 2030, Quảng Ngãi có thu nhập bình quân đầu người cao hơn thu nhập bình quân đầu người của cả nước.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (*GRDP*) bình quân đạt 6% - 7%/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt 5 - 7%/năm. Đến năm 2025, *GRDP* bình quân đầu người khoảng 4.600 - 4.800 USD; thu nhập bình quân đầu người (*giá*

hiện hành) bằng thu nhập bình quân đầu người của cả nước; tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GRDP khoảng 71%; tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt trên 35%. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 170.000 tỷ đồng. Thu ngân sách hàng năm vượt mức chỉ tiêu do Trung ương giao trên 5%.

3.2. Về xã hội

Đến năm 2025, có ít nhất 80% xã và 60% huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới, trong đó ít nhất 10% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 37%; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo trên 65%; tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị khoảng 2,8%; có ít nhất 50% trường mầm non, 85% trường tiểu học, 81% trường trung học cơ sở, 24% trường tiểu học - trung học cơ sở, 71% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia; có trên 8 bác sĩ/vạn dân và 32 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95% dân số. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh bình quân giảm 1% - 1,5%/năm; trong đó, miền núi giảm 4% - 4,5%/năm, đồng bằng giảm 0,4% - 0,6%/năm.

3.3. Về môi trường

Đến năm 2025, có ít nhất 90% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; trong đó, ít nhất 72% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; ít nhất 65% chất thải nguy hại, 95% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia; tỷ lệ che phủ rừng (*có tính cây phân tán*) đạt 52%.

3.4. Về quốc phòng, an ninh

Hàng năm, ít nhất 95% xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh, trong đó vững mạnh toàn diện đạt ít nhất 65%; trên 80% số xã, phường, thị trấn, 75% cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn về an ninh trật tự.

3.5. Về xây dựng Đảng

Bình quân hàng năm, có 70% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó có 20% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh

Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chú trọng và ngày càng dựa nhiều hơn vào các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, chất lượng lao động, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Kết hợp tăng trưởng giữa chiều rộng và chiều sâu, trong đó lấy tăng trưởng theo chiều sâu là hướng chủ đạo. Tập trung tháo gỡ các vướng mắc, tạo môi trường thuận lợi để khơi thông nguồn lực, khai thác và phát huy tối đa nội lực, kết hợp với thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài cho phát triển.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, nâng cao tỷ trọng lao động trong khu vực công nghiệp, dịch vụ.

1.2. Phát triển công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường

Kết hợp hài hòa giữa phát triển công nghiệp theo chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển theo chiều sâu, tạo bước đột phá trong tăng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp; kiên quyết từ chối các dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp xử lý nước thải, rác thải, các sản phẩm từ tro, xỉ của ngành công nghiệp luyện kim, công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ liên quan đến hóa dầu, luyện kim, cơ khí, điện - điện tử, dệt may, chế biến nông, lâm, thủy sản. Từng bước hình thành và khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử, công nghiệp chế tạo thông minh.

Tiếp tục đầu tư phát triển Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thu hút các dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Hình thành cụm ngành công nghiệp trong một số ngành công nghiệp ưu tiên. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, thiết bị, cải tiến quy trình sản xuất để nâng cao năng suất lao động, giá trị gia tăng của sản phẩm.

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 5%/năm; giá trị tăng thêm công nghiệp tăng bình quân 5,7%/năm. Đến năm 2025, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP chiếm khoảng 41 - 42%.

1.3. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng; tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái; gắn sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu theo chuỗi giá trị, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm. Đẩy mạnh và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả. Khuyến khích phát triển mạnh doanh nghiệp nông nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng bình quân 3,5 - 4%/năm.

Khuyến khích phát triển mô hình nông nghiệp kết hợp với du lịch sinh thái. Đẩy mạnh liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, nhà nông, nhà khoa học và ngân hàng trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất đai, dồn điền, đổi thửa; phát triển vùng nguyên liệu phục vụ công nghiệp chế biến; chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang đất nuôi, trồng các loại cây, con khác có hiệu quả hơn. Thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả. Phát triển chăn nuôi theo mô hình tập trung, công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao; khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại hiệu quả thân thiện với môi trường.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng. Thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng; nghiên cứu có chính sách cho thuê rừng, đất rừng để người dân phát triển sản xuất. Nâng cao chất lượng rừng trồng; đẩy mạnh trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn, gỗ nguy cấp, quý hiếm; khuyến khích trồng rừng sản xuất tập trung gắn với công nghiệp chế biến gỗ.

Phát triển thủy sản toàn diện, bền vững trên các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến. Tiếp tục cải hoán, đóng mới tàu có công suất lớn, trang thiết bị hiện đại để khai thác xa bờ. Cơ cấu lại tàu thuyền, ngành nghề phù hợp với các vùng biển, tuyến biển, môi trường tự nhiên, nguồn lợi thủy sản; nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt; đẩy mạnh phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Củng cố, phát triển các mô hình hợp tác trong đánh bắt hải sản. Khuyến khích nuôi trồng các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao. Phát triển đội tàu dịch vụ hậu cần thủy sản; đầu tư nâng cấp các bến, cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền. Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở bảo quản, chế biến thủy sản theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới theo hướng gắn với đô thị hóa, thực chất đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy dân cư nông thôn làm chủ thể, đem lại sự chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về nếp sống ở từng thôn, khu dân cư, hộ gia đình và cuộc sống của mỗi người dân ở nông thôn. Thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Tiếp tục đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; nâng cao năng lực, trình độ sản xuất, cải thiện thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn. Có chính sách thu hút đầu tư vào khu vực nông thôn. Tập trung xử lý ô nhiễm môi trường, nhất là rác thải, nước thải. Tích hợp một số chương trình đang triển khai trên địa bàn nông thôn vào chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2025, có 119 xã, trong đó, có ít nhất 36 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 8 huyện đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới, trong đó, có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao hoặc kiểu mẫu.

1.4. Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có hàm lượng tri thức, công nghệ, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Tiếp tục tạo môi trường đầu tư thật sự thông thoáng, hấp dẫn để khuyến khích, thu hút đầu tư, phát triển nhanh các ngành dịch vụ. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ tăng bình quân 7,5%/năm; đến năm 2025, tỷ trọng khu vực dịch vụ chiếm khoảng 29 - 30% GRDP. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, nâng cao chất lượng vận tải hành khách, hàng hóa; mở rộng và nâng cao chất lượng vận tải công cộng. Hình thành và phát triển dịch vụ logistics trên cơ sở phát huy lợi thế của cảng biển nước sâu Dung Quất. Phát triển mạnh dịch vụ thông tin và truyền thông; khuyến khích thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Mở rộng phát triển dịch vụ phân phối; đầu tư phát triển mới các trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini ở các khu đô thị; đầu tư, nâng cấp và đổi mới mô hình quản lý chợ truyền thống; thúc đẩy phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt. Hiện đại hóa và mở rộng dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và hỗ trợ kinh doanh. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ đời sống người dân như: văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, môi trường,... Khuyến khích phát triển các dịch vụ: khoa học và công nghệ; tư vấn khởi nghiệp; tư vấn, đào tạo nghề và giới thiệu, giải quyết việc làm; tư vấn, hỗ trợ xúc tiến đầu tư;... Chú trọng phát triển dịch vụ cơ

bản ở khu vực nông thôn. Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam".

Phát triển các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch phù hợp với tiềm năng, lợi thế riêng có của Quảng Ngãi. Xây dựng kế hoạch phát triển du lịch của tỉnh đến năm 2030. Tập trung phát triển du lịch biển, đảo trở thành loại hình du lịch chủ đạo của tỉnh. Đặc biệt, phát huy giá trị địa chất, địa mạo của Lý Sơn để xây dựng Lý Sơn trở thành đảo du lịch xanh, sinh thái và là hạt nhân thu hút, thúc đẩy phát triển các điểm du lịch khác của tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi để sớm triển khai đầu tư đưa vào khai thác các khu du lịch nghỉ dưỡng, nhất là ở đô thị Vạn Tường, Bình Châu, Mỹ Khê,... Đẩy mạnh phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh trên cơ sở phát huy và nâng tầm giá trị di sản văn hóa Sa Huỳnh, các di tích lịch sử, văn hóa. Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái; tạo thuận lợi để đầu tư đồng bộ, khai thác hiệu quả các khu, điểm du lịch như: Suối Chí, Bãi Dừa, suối nước nóng Nghĩa Thuận, thác Trắng,... Kêu gọi đầu tư phát triển du lịch sinh thái ở núi Cà Đam, gành Yên, suối nước nóng Thạch Bích,... Thúc đẩy phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn ở những nơi có điều kiện. Chú trọng hợp tác phát triển du lịch, liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị.

1.5. Tiếp tục xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông, công nghệ thông tin

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng dự án hạ tầng giao thông trọng điểm: đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh (giai đoạn 2a), cầu Trà Khúc, Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc, đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong, Quốc lộ 24B (Km23 - Km57), đường Phan Đình Phùng nối dài (đoạn từ đường Trường Chinh, thành phố Quảng Ngãi qua huyện Tư Nghĩa),... Tích cực, chủ động phối hợp để đầu tư: đường cao tốc Quảng Ngãi – Bình Định; nâng cấp Cảng hàng không quốc tế Chu Lai. Nâng cấp, mở rộng một số tuyến đường trung tâm thành phố Quảng Ngãi, đường huyện và đường xã theo quy hoạch; đến năm 2025, ít nhất 90% đường huyện, 60% đường giao thông nông thôn được nhựa hóa, cứng hóa. Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống đường thủy nội địa theo quy hoạch, hình thành, phát triển các tuyến từ đất liền đi Lý Sơn.

Đầu tư, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu dùng chung bảo đảm đồng bộ, hiện đại, kết nối, liên thông giữa các cấp, các ngành gắn với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các lĩnh vực, nhất là trong quản lý hành chính, cung cấp dịch vụ công; xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số; thúc đẩy việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, hướng tới cơ quan trong hệ thống chính trị không giấy tờ. Nâng cao khả năng tiếp cận công nghệ thông tin, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của tổ chức và công dân.

Lựa chọn các công trình hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở từng đô thị để có kế hoạch huy động, bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng, ưu tiên đầu tư, hoàn thiện hạ tầng đô thị thành phố Quảng Ngãi. Huy động nguồn lực xã hội, bố trí hợp lý ngân sách nhà nước để đầu tư hoàn thiện Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tiếp tục thay đổi phương thức đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu kinh

tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp từ chủ yếu sử dụng ngân sách nhà nước sang khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh hạ tầng. Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất; xây dựng và củng cố hệ thống đê biển, đê sông, các công trình ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải, phân phối điện, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi. Ưu tiên nguồn lực đầu tư kiên cố trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên, trang thiết bị phục vụ giảng dạy. Đẩy mạnh xã hội hóa việc đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị trong lĩnh vực giáo dục, y tế, thể thao. Đầu tư, nâng cấp, từng bước hoàn thiện Bệnh viện Đa khoa tỉnh, các bệnh viện chuyên khoa cấp tỉnh; tập trung hoàn thiện và đưa vào sử dụng Bệnh viện Y học Cổ truyền (giai đoạn 2). Đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động Khu liên hợp thể thao của tỉnh.

1.6. Đẩy mạnh liên kết, hỗ trợ để phát triển hài hòa, bền vững giữa các vùng; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa

Tổ chức, phân bố không gian phát triển một cách hợp lý, phát huy tốt nhất lợi thế đặc thù của mỗi vùng, địa phương, tăng cường tính liên kết, hỗ trợ, hình thành chuỗi giá trị trong phát triển. Tập trung xây dựng Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2020 - 2030 làm cơ sở để phân bố không gian, định hướng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường quản lý chặt chẽ, đồng bộ quy hoạch tỉnh, các quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư cụ thể, bảo đảm phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đối với vùng miền núi: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp có hiệu quả. Có cơ chế, chính sách đặc thù thu hút đầu tư vào khu vực miền núi. Tập trung khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế để phát triển lâm nghiệp bền vững; đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn đáp ứng tiêu chuẩn về quản lý rừng bền vững để tạo nguồn nguyên liệu ổn định phục vụ công nghiệp chế biến gỗ, hướng đến xuất khẩu. Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ đáp ứng sản xuất và đời sống của người dân. Từng bước đầu tư, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội miền núi, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Đối với vùng đồng bằng: Hiện đại hóa, thương mại hóa nông nghiệp, chuyển mạnh sang phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, sản xuất lớn, dựa vào khoa học, công nghệ, có năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao. Lựa chọn, quy hoạch một số vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp chuyên canh, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái để khuyến khích đầu tư, phát triển, trước hết tập trung ở những địa phương có điều kiện như: Nghĩa Hành, Mộ Đức, Tư Nghĩa, Bình Sơn,... Tập trung thu hút các dự án đầu tư về công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, bảo đảm đầu ra ổn định cho các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh.

Đối với vùng ven biển, hải đảo: Thực hiện có hiệu quả Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2030, tạo bước phát triển mạnh về kinh tế biển. Phát triển kinh tế biển đồng bộ cả công nghiệp, dịch vụ, du lịch biển, nuôi trồng, khai thác, chế biến

hải sản, dịch vụ hậu cần và hạ tầng thủy sản. Tăng cường bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo tồn, phát triển bền vững đa dạng sinh học biển. Tập trung nguồn lực xây dựng, phát triển Trung tâm logistics khu vực cảng biển Dung Quất. Quy hoạch, đầu tư phát triển các khu đô thị, dịch vụ, du lịch chất lượng cao ven biển. Phát triển bền vững huyện đảo Lý Sơn.

Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, từng bước nâng cao chất lượng phát triển đô thị cả về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, kiến trúc, nhà ở, chất lượng cuộc sống của người dân. Phát huy thế mạnh của từng đô thị và cả hệ thống đô thị để đô thị thực sự trở thành vùng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo hướng phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh. Đẩy mạnh phát triển thành phố Quảng Ngãi về hướng biển; huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của đô thị loại II, phấn đấu đến năm 2025, cơ bản đạt chuẩn đô thị loại I; tăng cường kết nối đô thị thành phố Quảng Ngãi với các đô thị lân cận để mở rộng không gian và tạo động lực phát triển. Xây dựng đô thị ven biển đồng bộ, hiện đại dọc theo tuyến Dung Quất - Sa Huỳnh; tạo thuận lợi để đầu tư, đưa vào sử dụng các khu đô thị sinh thái, chất lượng cao ở đô thị Vạn Tường. Đầu tư, phát triển các đô thị trung tâm ở các huyện. Phấn đấu đến năm 2025, đưa thị xã Đức Phổ đạt chuẩn đô thị loại IV, trong đó một số tiêu chí đạt chuẩn đô thị loại III; các đô thị Di Lăng, Châu Ổ, Vạn Tường đạt chuẩn đô thị loại IV; Lý Sơn, Ba Tơ, Trà Xuân đạt một số tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV; các đô thị còn lại đạt chuẩn đô thị loại V. Phấn đấu phát triển Dung Quất trở thành đô thị loại III với hạt nhân là đô thị Vạn Tường, Dốc Sỏi, Tịnh Phong, Sa Kỳ. Có chính sách hỗ trợ đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở dành cho công nhân, người có thu nhập thấp.

1.7. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển

Thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước. Áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng và phân bổ các nguồn lực. Cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả đầu tư, cả đầu tư công và tư. Đổi mới và nâng cao chất lượng lập kế hoạch đầu tư công trung hạn sát với yêu cầu phát triển, hạn chế thấp nhất việc điều chỉnh, bổ sung; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá. Tăng cường các biện pháp quản lý và bồi dưỡng nguồn thu. Tiếp tục cơ cấu chi ngân sách theo hướng tập trung cho đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh đào tạo theo nhu cầu, mục tiêu của doanh nghiệp.

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo. Rà soát, bổ sung chính sách khuyến khích, ưu đãi vượt trội để thu hút các dự án đầu tư từ các tập đoàn lớn, nhà đầu tư chiến lược. Tích cực hỗ trợ xúc tiến thương mại, tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong đầu tư, kinh doanh. Tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, tham gia sâu vào chuỗi giá trị và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện đại hóa công nghệ, nâng cao năng suất, sức cạnh tranh. Hỗ trợ chuyển đổi hộ sản xuất, kinh doanh thành doanh nghiệp. Đẩy mạnh

đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã. Thu hút đầu tư nước ngoài có trọng tâm, trọng điểm, có chọn lọc, ưu tiên các dự án tạo giá trị gia tăng cao, có mô hình quản trị hiện đại, công nghệ tiên tiến, kết nối chuỗi cung ứng, có tác động lan tỏa, kết nối chặt chẽ với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh liên kết vùng, nhất là vùng kinh tế trọng điểm miền Trung để phát huy tối đa lợi thế của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển đồng bộ các loại thị trường, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, vốn, lao động, khoa học và công nghệ, ... Phát huy hiệu quả phương thức hợp tác công - tư (PPP) trong đầu tư cơ sở hạ tầng.

2. Về phát triển văn hóa - xã hội

2.1. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa Quảng Ngãi; nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa; đổi mới nội dung, phương thức đầu tư cho phát triển văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa và đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh. Xây dựng văn hóa trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và trong mỗi gia đình. Tiếp tục bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, di sản văn hóa của các dân tộc thiểu số; phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể để các giá trị văn hóa trở thành nguồn tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi các nguồn lực xã hội đầu tư vào lĩnh vực văn hóa. Nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa. Phát triển sâu rộng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trong phát triển kinh tế - xã hội; phong trào "Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc"; khắc phục sự chênh lệch trong hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp Nhân dân. Coi trọng phát triển văn học, nghệ thuật; phát huy và nâng cao vai trò của văn học, nghệ thuật trong bồi dưỡng tâm hồn, nhân cách con người Quảng Ngãi. Khẳng định, tôn vinh và bảo vệ cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; thường xuyên, kiên trì đấu tranh, phê phán cái xấu, cái ác, cái thấp hèn, lạc hậu; chống các quan điểm, hành vi sai trái, tiêu cực làm tha hóa con người, xuống cấp về đạo đức, lối sống.

2.2. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học; từ chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Chú trọng giáo dục và đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội, có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số, tư duy sáng tạo và hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy và học ngoại ngữ, coi trọng dạy và học Tiếng Anh. Đưa vào chương trình giáo dục phổ thông nội dung, kỹ năng số. Cùng cố, nâng cao chất lượng phổ

cập giáo dục; thực hiện hiệu quả phân luồng sau trung học cơ sở, định hướng nghề nghiệp ở trung học phổ thông. Đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng. Chăm lo xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Chú trọng phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục ở miền núi; khắc phục triệt để tình trạng học sinh bỏ học.

Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đào tạo, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng. Chú trọng bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, khuyến khích tinh thần tự học tập, tự đào tạo, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Coi trọng học tập, nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhất là Tiếng Anh; phấn đấu lãnh đạo cấp phòng trong các cơ quan của hệ thống chính trị sử dụng được ít nhất một ngoại ngữ. Thu hút đội ngũ nhân lực kỹ thuật, nhân lực về khoa học và công nghệ, nhân lực quản lý, quản trị doanh nghiệp,... Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề theo hướng gắn với doanh nghiệp, theo địa chỉ đặt hàng và thị trường lao động; lấy đánh giá của doanh nghiệp làm thước đo chất lượng đào tạo. Chú trọng đào tạo, đào tạo lại lực lượng lao động; đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động.

Xây dựng con người Quảng Ngãi phát triển toàn diện, hướng đến chân, thiện, mỹ. Phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp gắn với xây dựng, hình thành các giá trị mới của con người Quảng Ngãi với các đặc tính cơ bản: yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tự trọng, tự chủ, sống nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, có tri thức, sức khỏe, năng động, sáng tạo, nêu cao trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật, có tinh thần hợp tác cao, khảng khái, khoan dung, thân thiện, có ý thức bảo vệ môi trường; đồng thời, từng bước khắc phục những khiếm khuyết trong tính cách của một bộ phận dân cư như tính hẹp hòi, khát khe, cố chấp, thụ động, cứng nhắc, thiếu hợp tác, ý thức lao động thấp.

2.3. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng công tác thông tin, truyền thông và báo chí

Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ để thực sự là lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực chính của tăng trưởng kinh tế; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống Nhân dân. Xây dựng, phát triển Trung tâm ứng dụng và dịch vụ khoa học, công nghệ của tỉnh bảo đảm năng lực, hoạt động hiệu quả. Ưu tiên và đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất. Có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ.

Triển khai có hiệu quả công tác thông tin, truyền thông. Phát huy vai trò, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo chí. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin và bảo đảm quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin của Nhân dân, đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng, bảo đảm an ninh, an toàn hệ thống thông tin, báo chí, Internet. Tăng cường năng lực quản lý không gian mạng.

2.4. Phát triển sự nghiệp y tế, thể dục, thể thao

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh. Xây dựng đội ngũ y, bác sĩ, cán bộ quản lý y tế có năng lực chuyên môn sâu, có trách nhiệm và tinh thần phục vụ chuyên nghiệp. Đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của y tế xã, phường, thị trấn bảo đảm đúng vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân. Phát triển mạng lưới y tế học đường. Xây dựng và phát triển các bệnh viện của tỉnh đáp ứng yêu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới; khắc phục tình trạng quá tải ở bệnh viện cấp tỉnh. Khuyến khích phương thức đối tác công – tư, đầu tư tư nhân, cung cấp các dịch vụ khám, chữa bệnh theo yêu cầu. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh, liên thông công nhận kết quả khám, xét nghiệm, triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử. Chủ động kiểm soát và ứng phó với các dịch bệnh; tập trung phát triển và nâng cao năng lực của hệ thống y tế dự phòng. Tăng cường kiểm tra an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.

Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe cho người dân cả về thể chất, tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ cũng như chất lượng cuộc sống. Đầu tư, phát triển các môn thể thao thành tích cao; chú trọng đào tạo tài năng về thể thao. Phát triển mạnh mẽ phong trào rèn luyện thân thể, phong trào thể thao quần chúng.

2.5. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; giảm nghèo bền vững, nhất là ở các huyện miền núi

Tiếp tục thực hiện tốt các chế độ, chính sách, đẩy mạnh các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, các hoạt động an sinh xã hội nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công. Phát triển và đa dạng hóa các dịch vụ trợ giúp xã hội, tạo điều kiện cho mọi người dân, nhất là nhóm yếu thế hòa nhập, tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng phù hợp với điều kiện của người dân và hội nhập. Bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về lao động ở các doanh nghiệp; xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ. Thực hiện đầy đủ quyền trẻ em, tạo môi trường lành mạnh, thuận lợi để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức và mối quan hệ xã hội. Tăng cường giáo dục kiến thức, kỹ năng bảo vệ trẻ em, kiểm soát tình hình tai nạn, bạo lực trẻ em. Bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi.

Giảm nghèo bền vững, nhất là ở các huyện miền núi. Làm tốt công tác thông tin, truyền thông để nâng cao nhận thức, khắc phục căn bản tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của người nghèo. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, hướng dẫn, chuyển giao kiến thức, kỹ năng, tiến bộ kỹ thuật để nâng cao năng lực sản xuất cho người dân. Tiếp tục quan tâm hỗ trợ tín dụng chính sách xã hội, thực hiện lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án để hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình.

3. Về quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Đặt yêu cầu về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu ở vị trí trung tâm của các quyết định phát triển; không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế.

Đánh giá đầy đủ, toàn diện về trữ lượng khoáng sản và các loại tài nguyên. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản và tài nguyên. Chấn chỉnh, siết chặt quản lý, xử lý nghiêm các hành vi khai thác khoáng sản trái phép, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên nước, quản lý chặt chẽ khai thác tài nguyên nước, ngăn chặn xu hướng suy giảm tài nguyên nước, nhất là ở Lý Sơn và các địa phương ven biển. Tăng cường quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên. Thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các giống, loài động, thực vật quý hiếm; bảo vệ và phát triển các nguồn gen bản địa, ngăn chặn sự xâm nhập của sinh vật ngoại lai, sinh vật biến đổi gen tác động xấu đến con người và môi trường.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác định giá đất, bảo đảm sát với thị trường; tăng tính minh bạch trong công tác quản lý và sử dụng đất đai. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn toàn tỉnh.

Chủ động phòng ngừa ô nhiễm; xây dựng, ban hành các tiêu chí về môi trường để sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư; phát triển các ngành kinh tế phù hợp với ngưỡng chịu tải của môi trường; xác lập danh mục các ngành, lĩnh vực sản xuất tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường để hạn chế đầu tư ở tỉnh. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định đánh giá tác động môi trường. Kiên quyết bảo đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trong các dự án đầu tư. Tập trung rà soát các tác động môi trường của các dự án lớn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, xử lý nghiêm khắc các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Quản lý chặt chẽ chất thải rắn, chất thải nguy hại ở các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, cảnh báo ô nhiễm môi trường; kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải. Chú trọng xử lý môi trường khu vực nông thôn.

Nâng cao nhận thức, vận động người dân thực hiện nếp sống thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt là thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn và hạn chế và tiến tới không sử dụng túi ni lông dùng một lần. Từng bước xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, coi rác thải là tài nguyên. Tăng cường năng lực thu gom, hạn chế tối đa việc chôn lấp, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế kết hợp thu hồi năng lượng.

Xây dựng các kịch bản, nâng cao năng lực của người dân và chính quyền trong việc chủ động ứng phó, giảm nhẹ hậu quả do thiên tai gây ra. Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở khoa học. Đầu tư, xây dựng các công trình chống sạt lở; tập trung bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển. Chủ động tìm kiếm, nghiên cứu các giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là đối với vấn đề nước biển dâng, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở bờ biển.

4. Về quốc phòng, an ninh, nội chính, đối ngoại

Thực hiện hiệu quả các chủ trương của Trung ương, của tỉnh về quốc phòng, an ninh, công tác nội chính, cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc an ninh biên giới biên, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc và phát triển các tiềm lực quân sự, quốc phòng, an ninh. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, kinh tế với quốc phòng, an ninh, chú ý khu vực miền núi, vùng biển, đảo và các vùng trọng điểm. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, "thể trận lòng dân" vững chắc, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia trên biển. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chấp hành nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu. Nâng cao khả năng phân tích, đánh giá, dự báo tình hình; chủ động phát hiện, nắm chắc tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và xử lý tốt các tình huống phức tạp, điểm nóng về an ninh trật tự.

Huy động, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong đấu tranh, phòng ngừa, kiểm chế sự gia tăng của tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm công nghệ cao; tăng cường, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án bảo đảm đúng quy định pháp luật. Bảo đảm an ninh, trật tự tại Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thực hiện đồng bộ các giải pháp kiểm chế có hiệu quả tai nạn giao thông, cháy nổ. Thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, coi trọng phương châm "4 tại chỗ". Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh rộng khắp; huy động lực lượng dự bị động viên đạt 95%; bố trí 100% công an chính quy đảm nhiệm chức danh công an cấp xã.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thanh tra, thực hiện kết luận thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Nâng cao trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu trong việc chủ động phòng ngừa, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập. Tăng cường vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện của hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong công tác công tác phòng, chống tham nhũng. Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông trong phát hiện, phản ánh các vụ việc tham nhũng, tiêu cực và công khai kết quả xử lý. Kịp thời xác minh, điều tra, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng, kinh tế theo đúng quy định, không có vùng cấm, đặc quyền, ngoại lệ. Tập trung giải quyết dứt điểm, hiệu quả các vụ việc phức tạp, tồn đọng kéo dài, gây bức xúc trong Nhân dân. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức, phù hợp với từng đối tượng, vùng, miền.

Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, xác lập quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế. Khai thác tối đa các cơ hội có được từ quá trình hội nhập, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực khi nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Thu hút các nguồn lực về vốn, công nghệ,

tri thức, kinh nghiệm quản lý và thị trường để thúc đẩy phát triển kinh tế, tạo việc làm, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Duy trì và làm sâu sắc hơn các mối quan hệ hữu nghị truyền thống; mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác mới; xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chủ động phối hợp đấu tranh, can thiệp và bảo hộ ngư dân có tàu thuyền bị nước ngoài bắt giữ. Có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn, kiên quyết xử lý các trường hợp tàu cá, ngư dân vi phạm pháp luật, đánh bắt trái phép, xâm phạm lãnh hải nước ngoài.

5. Về công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận và các hội, đoàn thể

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị về công tác dân vận, nhất là công tác dân vận chính quyền. Phát huy dân chủ, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Thực hiện nghiêm các quy định về dân chủ ở cơ sở; tiếp tục cụ thể hóa, thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Chú trọng công tác dân vận đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo. Xây dựng và phát huy vai trò nòng cốt, cốt cán trong tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số. Nắm bắt và chỉ đạo giải quyết kịp thời nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, giữ vững niềm tin của Nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền. Người đứng đầu cấp ủy thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của người dân. Thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo”. Tăng cường công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp. Rà soát, kịp thời kiến nghị điều chỉnh các bất cập, vướng mắc về thủ tục hành chính gây khó khăn, bức xúc cho người dân và doanh nghiệp. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực sự “gần dân, tin dân, trọng dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân”, đồng thời xây dựng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các hội, đoàn thể theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư và đi sâu vào từng đối tượng. Làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; chú trọng giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt. Tập trung nắm bắt dư luận xã hội, tích cực tham gia tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Thực hiện tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp Nhân dân, tăng cường phát triển hội viên, đoàn viên; xây dựng, phát huy vai trò lực lượng nòng cốt, người có uy tín.

Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao lòng yêu nước, bản lĩnh chính trị, nhận thức pháp luật, trình độ học vấn, tay nghề cho đoàn viên, hội viên để đoàn viên, hội viên thực sự trở thành lực lượng tiên phong trong xây dựng, bảo vệ và phát triển tỉnh nhà. Phát triển và nâng cao bản lĩnh, trình độ, kỹ năng của giai cấp công nhân; đổi mới hoạt động của công đoàn phù hợp với bối cảnh, điều kiện mới. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân ngày càng lớn mạnh đáp ứng yêu cầu

phát triển của tỉnh trong tình hình mới. Bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển, tinh thần xung kích, sáng tạo của thanh niên. Thực hiện đồng bộ và toàn diện các giải pháp về bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ. Nâng cao vai trò và vị thế của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Phát huy vai trò của cựu chiến binh trong xây dựng Đảng, chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ. Nâng cao chất lượng các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước; tuyên truyền, cổ vũ và nhân rộng các nhân tố mới, điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực, tạo động lực thúc đẩy phong trào thi đua phát triển sâu rộng.

6. Về xây dựng chính quyền

Tiếp tục xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và hội đồng nhân dân các cấp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hội đồng nhân dân các cấp trong xây dựng, ban hành chính sách, quyết định các vấn đề quan trọng; giám sát việc thực hiện và hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tiếp tục đổi mới hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn bảo đảm thực chất, đúng vấn đề cử tri quan tâm, tăng tính tranh luận, phản biện trên tinh thần trách nhiệm, xây dựng.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo đúng chủ trương của Trung ương. Sắp xếp, tinh gọn tổ chức, bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với tinh giản biên chế. Đẩy nhanh tiến trình xây dựng chính quyền điện tử. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn, đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực của từng cấp, từng ngành gắn với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình của người đứng đầu chính quyền các cấp và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến để tạo thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước liêm chính, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị, năng lực, uy tín, tính chuyên nghiệp cao, sức khỏe tốt, tận tụy phục vụ Nhân dân. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tạo động lực và áp lực để mọi cán bộ, công chức, viên chức tu dưỡng phẩm chất, hoàn thành tốt trách nhiệm công vụ. Tạo môi trường thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khơi dậy tinh thần cống hiến, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu. Kiên quyết và kịp thời thay thế những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật, đạo đức công vụ, không còn uy tín với Nhân dân.

7. Về xây dựng Đảng

7.1. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng và những vấn đề có tính nguyên tắc trong công tác xây dựng Đảng. Không ngừng vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng vào tình hình thực tế của tỉnh. Nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, tính chiến đấu của toàn Đảng bộ và cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các cấp. Nâng cao năng lực dự báo, tầm nhìn chiến lược của Đảng bộ trong hoạch định các chủ trương, định hướng phát triển; khi ban hành chủ trương, chính sách phải bám sát và xuất phát từ thực tiễn, đánh giá tác động, cân đối, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện bài bản, nghiêm túc, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân.

Tiếp tục thực hiện và đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức công tác tư tưởng, bảo đảm tính Đảng, tính khoa học, tính chiến đấu, tính thực tiễn, kịp thời và hiệu quả. Nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, học tập lý luận chính trị, các chủ trương, nghị quyết của Đảng; gắn lý luận với thực tiễn, tạo sự đồng thuận, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng và xã hội. Thường xuyên sơ, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện, kịp thời điều chỉnh, bổ sung những vấn đề mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Nắm chắc, chủ động, kịp thời xử lý thông tin và định hướng dư luận; giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của Nhân dân và các vấn đề nhạy cảm, phức tạp phát sinh; đấu tranh phòng, chống chiến lược "diễn biến hòa bình", phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Tăng cường quản lý và định hướng hoạt động của các cơ quan báo chí; phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trên mặt trận tư tưởng; bảo đảm an ninh tư tưởng trên không gian mạng.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; quy định về những điều đảng viên không được làm; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Nâng cao bản lĩnh chính trị, thực hiện tốt vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, đề cao trách nhiệm cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, bè phái, "lợi ích nhóm", nói không đi đôi với làm. Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng tuyên truyền mặt tốt, mặt tích cực, biểu dương gương người tốt, việc tốt; kết hợp giữa giáo dục với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

7.2. Tiếp tục xây dựng Đảng vững mạnh về tổ chức

Thực hiện đầy đủ, có chất lượng việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, tránh chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

Kiên toàn, sắp xếp tổ chức cơ sở đảng đồng bộ, thống nhất với tổ chức của hệ thống chính trị ở cơ sở. Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, cấp ủy. Thực

hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ nghiêm kỷ luật, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Tăng cường công tác quản lý, phát triển đảng viên từ công nhân, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên. Nâng cao chất lượng đảng viên; sàng lọc, kiên quyết đưa những người không đủ tư cách ra khỏi Đảng.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, năng lực tốt. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác tuyên dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ, trong đó chú trọng: thực hiện tốt công tác điều động, luân chuyển cán bộ, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch để rèn luyện qua thực tiễn, bảo đảm tính liên tục, kế thừa; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ. Xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch, các bước sau quy hoạch; gắn quy hoạch cán bộ với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, khắc phục tình trạng chạy theo bằng cấp. Thực hiện nghiêm việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, cho thôi việc hoặc thay thế kịp thời đối với cán bộ năng lực yếu, phẩm chất đạo đức kém, không hoàn thành nhiệm vụ, tín nhiệm thấp. Thực hiện thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý của sở, ngành và cơ quan Đảng. Phát huy trách nhiệm người đứng đầu lựa chọn, giới thiệu với cấp có thẩm quyền đề bầu cử, bổ nhiệm cấp phó của mình; bí thư cấp ủy giới thiệu đề bầu ủy viên ban thường vụ và chịu trách nhiệm về việc giới thiệu. Có đề án lựa chọn, hỗ trợ đào tạo, quy hoạch, theo dõi, bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ lãnh đạo tương lai của Quảng Ngãi cho 10, 20 năm đến. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; rà soát, thẩm tra, xác minh, thẩm định, kết luận về tiêu chuẩn chính trị phục vụ tốt công tác cán bộ và phát triển đảng viên.

7.3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng

Cụ thể hóa, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật Đảng. Tập trung kiểm tra, giám sát cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng, của tỉnh, địa phương, đơn vị và các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt của Đảng; vai trò, trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Chú trọng kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới ở một số nội dung, lĩnh vực trọng tâm, nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực. Qua kiểm tra, giám sát, kịp thời phát huy, biểu dương các tổ chức đảng, đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, phát hiện, xử lý nghiêm minh và công khai những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm theo quy định.

Thực hiện có hiệu quả các quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; sử dụng có hiệu quả kết quả thanh tra, kiểm tra,

kiểm toán của các cơ quan nhà nước, giám sát của hội đồng nhân dân, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội để phục vụ cho công tác kiểm tra của Đảng. Nâng cao chất lượng hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp; chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra, giám sát giỏi về chuyên môn, có phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng, đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

7.4. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng trong hoạch định chủ trương, định hướng phát triển, trong công tác cán bộ và trong kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức thực hiện. Tăng cường trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cấp ủy và từng cấp ủy viên phụ trách địa bàn, lĩnh vực; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chịu trách nhiệm toàn diện việc thực hiện nghị quyết, kết luận, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và cùng cấp. Các cấp ủy, người đứng đầu phải sát cơ sở, đổi mới cách thức tuyên truyền, thuyết phục, vận động, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chính trị theo hướng cụ thể, thiết thực, sát từng đối tượng, lấy hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên để vận động, thuyết phục quần chúng. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp ủy viên, đảng viên phải thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình. Tăng cường hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn trong Đảng; mở rộng dân chủ trong Đảng. Tăng cường công khai minh bạch trên các lĩnh vực nhạy cảm. Thực hiện tốt các quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống chạy chức, chạy quyền.

Tiếp tục rà soát, sửa đổi, ban hành các quy định, quy chế bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, thống nhất, rõ vai trò, trách nhiệm tập thể, cá nhân và phù hợp với quy định của Trung ương. Nêu cao tính tiên phong, gương mẫu và gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong thực thi nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Tăng cường bám sát cơ sở, kiểm tra, đôn đốc giải quyết kịp thời các yêu cầu, kiến nghị chính đáng của Nhân dân. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của Đảng.

IV. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ ĐỘT PHÁ TRONG NHIỆM KỲ ĐẠI HỘI XX

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện. Đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, có khát vọng phát triển, đổi mới sáng tạo. Tiếp tục thực hiện việc phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm kỷ luật.

(2) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế dựa trên đổi mới sáng tạo, tăng năng suất lao động. Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp xử lý nước thải, rác thải. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh thái, gắn

sản xuất với bảo quản, chế biến, tiêu thụ, xây dựng thương hiệu. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển đô thị với tầm nhìn dài hạn theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh.

(3) Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa Quảng Ngãi, khơi dậy khát vọng phát triển, xây dựng con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hội nhập quốc tế. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đẩy mạnh đổi mới sáng tạo; khuyến khích phát triển công nghệ thông tin và kinh tế tri thức. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở. Tiếp tục đổi mới công tác đào tạo, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo bền vững, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

(4) Chú trọng xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, "thế trận lòng dân" vững chắc, xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong mọi tình huống. Huy động, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội trong đấu tranh, phòng ngừa, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm và tệ nạn xã hội. Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

(5) Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư. Làm tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội, tích cực xây dựng Đảng, chính quyền. Phát triển và nâng cao bản lĩnh, trình độ, kỹ năng của giai cấp công nhân; đổi mới hoạt động của công đoàn phù hợp với bối cảnh, điều kiện mới. Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Xây dựng đội ngũ trí thức, doanh nhân ngày càng lớn mạnh đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong tình hình mới. Bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ý chí, khát vọng phát triển, tinh thần xung kích, sáng tạo của thanh niên. Nâng cao vai trò và vị thế của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Phát huy vai trò của cựu chiến binh trong xây dựng Đảng, chính quyền, phát triển kinh tế - xã hội và giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ.

(6) Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng khoáng sản và tài nguyên. Chủ động phòng ngừa ô nhiễm; xây dựng, ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn về môi trường để sàng lọc, lựa chọn các dự án đầu tư tại địa phương. Nâng cao nhận thức, vận động người dân thực hiện nếp sống thân thiện với môi trường. Quy hoạch và đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hạn chế tối đa việc chôn lấp, thúc đẩy tái sử dụng, tái chế kết hợp thu hồi năng lượng. Nâng cao năng lực của người dân và chính quyền trong việc chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

2. Các đột phá

(1) *Cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, công khai, minh bạch, kiến tạo, phục vụ.*

(2) *Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.*

(3) *Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.*

Với tinh thần “**Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển**”, toàn đảng bộ, quân và dân trong tỉnh ra sức nắm bắt thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đề ra.

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI**PHỤ LỤC**

**Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu
của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX
(Kèm theo Báo cáo số -BC/TU ngày của Tỉnh ủy)**

STT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu NQ	Ước TH năm 2020/ Bình quân 2016 - 2020	So với chỉ tiêu Nghị quyết
Về kinh tế (8 chỉ tiêu)					
1.	Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân	%	6-7 %/năm	5,62%/năm	Không đạt
2.	GRDP bình quân đầu người năm 2020	USD/ người	3.600 - 4.000	3.097	Không đạt
3.	Cơ cấu kinh tế				Không đạt
	- Công nghiệp – Xây dựng	%	60 - 61%	54,78%	
	- Dịch vụ	%	28 - 29%	28,58%	
	- Nông, lâm, thủy sản	%	11 - 12%	16,64%	
4.	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm	Tỷ đồng	>90.000	143.588	Đạt (vượt)
5.	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	Tỷ đồng	Vượt chỉ tiêu Trung ương giao	Đạt	Đạt
6.	Kim ngạch xuất khẩu đến năm 2020	Triệu USD	1.000	1.000	Đạt
7.	Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh	%	23	24,5	Đạt

STT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu NQ	Ước TH năm 2020/ Bình quân 2016 - 2020	So với chỉ tiêu Nghị quyết
	đến năm 2020				(vượt)
8.	Số xã và huyện đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	55 xã (điều chỉnh thành 98 xã)	89 xã ²⁹	Đạt (vượt)
		Huyện	02 huyện	04 huyện	Đạt (vượt)
VỀ VĂN HÓA – XÃ HỘI (5 chỉ tiêu)					
9.	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội	%	40	45,58	Không đạt
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	55	55	Đạt
	<i>Trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt</i>	%	80%- 85%	85	Đạt
10.	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia				
	- Mầm non	%	35	42,33	Đạt (vượt)
	- Tiểu học	%	70	77,51	Đạt (vượt)
	- Trung học cơ sở	%	75	81,01	Đạt (vượt)
	- Trung học phổ thông	%	60	65,79	Đạt (vượt)
11.	Số giường bệnh/1 vạn dân (không tính trạm y tế xã)	Giường	24	29,48	Đạt (vượt)
	Số bác sỹ/1 vạn dân	Bác sỹ	7	7,45	Đạt (vượt)
	Tuổi thọ bình quân	%	75	75	Đạt
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	9,2	8,4	Đạt

²⁹ Dự kiến đến cuối năm 2020, Quảng Ngãi có 102 xã đạt chuẩn quốc gia về nông thôn mới. Tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quảng Ngãi giảm 18 xã; trong 18 xã giảm, có 13 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nên số xã đạt chuẩn nông thôn mới còn lại là 89 xã.

STT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu NQ	Ước TH năm 2020/ Bình quân 2016 - 2020	So với chỉ tiêu Nghị quyết
	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	85	91	Đạt
12.	Tỷ lệ đạt gia đình, thôn, khối phố, cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa				
	- Gia đình văn hoá	%	88	88	Đạt
	- Thôn, khối phố văn hoá	%	78	78	Đạt
	- Cơ quan, đơn vị văn hoá	%	96	96	Đạt
13.	Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hàng năm	%	2	1,82	Không đạt
	<i>Trong đó, Miền núi giảm</i>	%	4	5,25	Đạt (vượt)
	<i>Đồng bằng giảm</i>	%	1,6	1,1	Không đạt
Về môi trường (02 chỉ tiêu)					
14.	Tỷ lệ dân cư đô thị được dùng nước sạch	%	89	89	Đạt
	Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh	%	95	95	Đạt
	<i>Trong đó, có sử dụng nước sạch</i>	%	50	50	Đạt
	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	60	60	Đạt
	Tỷ lệ xử lý chất thải y tế được xử lý	%	85	90	Đạt (vượt)
15.	Tỷ lệ che phủ rừng (<i>có tính cây phân tán</i>)	%	52	52	Đạt
Về quốc phòng, an ninh (01 chỉ tiêu)					
16.	Xây dựng xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng	%	90	92,3	Đạt (vượt)
	<i>Trong đó: vững mạnh, toàn</i>	%	60	63,4	Đạt (vượt)

STT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Chỉ tiêu NQ	Ước TH năm 2020/ Bình quân 2016 - 2020	Số với chỉ tiêu Nghị quyết
	<i>diện</i>				
	Xây dựng xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn “ <i>An toàn về an ninh trật tự</i> ”	%	80	94,4	Đạt (vượt)
	Doanh nghiệp đạt loại khá trở lên.	%	70	81,1	Đạt (vượt)
Về xây dựng Đảng (01 chỉ tiêu)					
17.	Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh bình quân hàng năm ³⁰	%	50	33,46	Không đạt
	Số đảng viên được kết nạp	<i>đảng viên</i>	1.700	1.720	Đạt (vượt)

³⁰ Số liệu chỉ tiêu này đến năm 2019, năm 2020 chưa đánh giá, phân loại; từ năm 2018, tổ chức cơ sở đảng được phân loại theo các mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ (không còn phân loại tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh); năm 2016 có 46,93% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại trong sạch, vững mạnh; năm 2017 có 48,0% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại trong sạch, vững mạnh; năm 2018 có 18,92% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; năm 2019 có 17,97% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.